TÒA ÁN NHÂN DÂN TL	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 386/2022/DS-PT
Ngày: 14-12-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TL

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà NTMH

Các Thẩm phán: Ông TVQ

Ông D8VN

- Thư ký phiên tòa: Bà NTMP - Thư ký Tòa án nhân dân TL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TL tham gia phiên tòa: Ông HPK - Kiểm sát viên.

Vào ngày 14 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân TL xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 382/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 76/2022/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện CG, TL bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 387/2022/QĐ-PT ngày 01 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà HTKS, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Khu phố Hòa Thuận 1, TTCG, huyện CG, TL

Người đại diện theo ủy quyền của bà Sương: Ông HQH, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp 2, xã PVT, CG, TL (Theo văn bản ủy quyền 19/3/2020).

2. Bị đơn: Bà TTTT, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Khu phố Thanh Ba, CG, CG, TL

Người đại diện theo ủy quyền của bà Thủy: Ông HVS, sinh năm 1987. Địa chỉ: Số 38/4, Đường Nguyễn Hới, PAL, QBT, TPM (Theo văn bản ủy quyền 19/6/2020).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà TTTO, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp Thanh Ba, XML, HCG, TL

3.2. Ông TTT, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số 1570/174, Đường VVK Phường 7, Q6 TPM

3.3. Bà PTNT, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Khu phố Thanh Ba, CG, CG, TL

Người đại diện theo ủy quyền của bà Oanh, ông Tú, bà Trâm là: Ông HVS, sinh năm 1987. Địa chỉ: Số 38/4, Đường Nguyễn Hới, PAL QBT, Thành TPM (Theo văn bản ủy quyền ngày 07/3/2020 và ngày 03/7/2020).

- Người kháng cáo: Bà HTKS

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 8 năm 20219 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà HTKS và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông HQH trình bày:

Từ tháng 08/2016 đến tháng 11/2018, bà S có mượn nhiều lần tiền của bà TTTT tổng cộng là 500.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 30%/tháng và bà Thủy có chốt lại và viết giấy mượn tiền với số tiền 500.000.000 đồng. Giấy mượn tiền này đã xóa bỏ không còn giữ, các lần mượn tiền từ tháng 08/2016 đến tháng 11/2018 không có viết giấy tờ, không ai làm chứng, thường thì mượn trong vòng 07-10 ngày trả, nếu không trả được thì cộng lãi vô làm giấy nợ mới. Ngoài việc ký giấy tay số nợ trên, bà Tcòn yêu cầu bà Sương ra Phòng công chứng HTHký giấy nợ với con rể của bà Thủy là TTT và con gái bà T là PTNT, nội dung vay số tiền 500.000.000 đồng nhưng thực tế là bà Sương không có nhận số tiền này từ anh T chị T. Do bà Sương chưa có tiền đóng lãi cho bà Thủy nên bà Thủy nói bà T đã hốt hụi và cho bà S mượn tiền để đóng lãi với số tiền là 500.000.000 đồng và yêu cầu bà S ký tiếp "Giấy mượn tiền" ngày 09/8/2018, mượn thêm của TTT số tiền 500.000.000 đồng, ghi tổng số tiền là 1.000.000.000 đồng (giấy nợ này bà Sương không có giữ), thực chất số tiền 500.000.000 đồng là tiền đóng lãi của số tiền 500.000.000 đồng tiền gốc. Sau đó bà T ộng lãi và viết giấy nợ cuối cùng vào ngày 25/12/2018 với số tiền 4.000.000.000 đồng + 1.060.000.000 đồng. Số tiền 1.060.000.000 đồng là tiền lãi cộng vô từ số tiền 1.000.000.000 đồng ở trên, rồi bà T cộng thêm lãi như thế nào thành 4.000.000.000 đồng nữa. Tổng cộng bà T yêu cầu bà T ký giấy nợ ngày 25/12/2018 với số tiền 5.060.000.000 đồng nhưng bà T không có nhận số tiền này, mà chỉ nhận tiền gốc là 500.000.000 đồng. Giấy nợ này bà T có ký tên, chỉ được chụp hình lại nhưng không giữ bản chính.

Đến ngày 20/3/2019, bà TTTT yêu cầu bà Sương phải ký thêm một giấy nợ với con gái bà BT (chủ nhà nghỉ TT) tên là TTTO với số tiền 2.600.000.000 đồng, đây là tiền lãi 03 tháng của số tiền 5.060.000.000 đồng, thực chất bà S không có nhận số tiền nào từ bà BT và chị O. Bà S ký nhưng không nhớ rõ là có tự tay ghi giấy nợ hay không, S cũng không nhớ rõ nội dung trong giấy nợ này

ghi lãi suất bao nhiêu, thời hạn bao giờ trả và cũng không có giữ giấy này.

Sau đó bà T yêu cầu T phải trả số tiền tổng cộng là 7.660.000.000 đồng thì bà TTkhông đồng ý. Nên bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định lại bà Sương còn nợ lại của bà T là 500.000.000 đồng – 100.000.000 đồng = 400.000.000 đồng. Bà TT trừ đi 100.000.000 đồng là do ngày 11/7/2019, bà Sương có nhờ ông HQH thay mặt bà Sương đưa cho ông Triều em bà T hoàn trả cho bà T số tiền 100.000.000 đồng, đây là trả tiền gốc của số tiền 500.000.000 đồng mà bà T vay từ tháng 08/2016 đến tháng 11/2018 mà ông nêu ở trên nên còn nợ lại là 400.000.000 đồng. Việc ông Hđưa cho ông T00.000.000 đồng trả cho bà T không có làm giấy gì.

Trong quá trình vay, bà S đã trả lãi cho bà T nhiều lần nhưng không có làm giấy tờ cũng không có ai làm chứng. Mục đích bà S vay tiền là để trang trải sinh hoạt trong gia đình. Ngoài ra, việc vay tiền bà S không có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T. Khi ký các giấy nợ, bà SS tinh thần minh mẫn nhưng bà T có gây áp lực, hăm dọa đòi tố cáo bà S với chồng bà Scho mất việc làm nên bà Sương mới ký. Bà T gây áp lực thì có ông Tlà em ruột bà T V2 T con gái bà Tchứng kiến nhưng đều bên phía bà T, ngoài ra không có ai biết. Sau này khi bà Sđã ký các giấy nợ, bà Sương không có khả năng trả tiền, bà T tiếp tục gây áp lực, thuê người đến nhà quậy phá nên bà S báo chính quyền địa phương xã ML và xã TB nhưng không được giải quyết.

Đoạn ghi âm mà bà Sương cung cấp cho Tòa án, có ghi lại trong bản tự khai ngày 09/12/2019 là cuộc ghi âm qua điện thoại bà T gọi cho bà Sương khi bà S đã ký hết các giấy nợ, không có khả năng trả nợ nữa, ghi âm ngày nào thì ông không biết. Nhân vật "ổng" trong đoạn ghi âm là ông LHT chồng bà S nhưng đã ly hôn. Còn nhân vật "Tú" là TTT con rể bà T. Bà BT là mẹ của bà bà TTTO

Các khoản nợ mà bà S đã ký với bà O vay 2.600.000.000 đồng, vay của anh T, chị T 1.000.000.000 đồng đều xuất phát từ tiền lãi trên số nợ gốc của bà T là 500.000.000 đồng, bà S hoàn toàn không có nhận tiền của anh T, chị T, bà Onên không đồng ý trả nợ cho bà O anh T, chị T

Về giấy ủy quyền ngày 19/7/2017, bà NNH ủy quyền cho bà HTKS được quyền thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X.566973 đứng tên ông NVH cho ông TTT trong thời hạn 01 năm thì bà S không biết, cũng không có ký tên dưới phần ghi "Người được ủy quyền vay", việc vay mượn tiền giữa bà S và bà T oàn toàn không có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà Sương có biết bà NNH nhưng không biết giữa họ có quan hệ như thế nào.

Nay ông đại diện cho bà S không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà T và bà O, yêu cầu bà hoàn trả cho bà T số tiền 5.060.000.000 đồng và bà O 2.600.000.000 đồng. Ông Hxác định bà S còn nợ bà T 400.000.000 đồng nên chỉ đồng ý hoàn trả số tiền trên.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà TTTT do ông HVS bày: Bà Thủy và bà Sương trước đây là chỗ bạn bè, biết nhau khoảng 07 năm. Trước đây bà T có cho bà Sương mượn tiền nhiều lần nhưng đã trả đủ lãi, vốn đúng hạn, số

tiền vay dao động từ 300.000.000 đồng đến 700.000.000 đồng, thời hạn vay từ 15 đến 30 ngày, bà Sương hứa trả lãi từ 02% - 03%/tháng.

Ngày 25/12/2018, bà S đến nhà bà T hỏi vay 5.000.000.000 đồng vay vào buổi sáng, nhưng do không có tiền nên bà T đưa trước 1.000.000.000 đồng và hẹn chiều bà S đến lấy phần còn lại. Chiều ngày 25/12/2018, bà S đến nhà bà YT lấy thêm số tiền 4.000.000.000 đồng và tự tay bà Sương viết hợp đồng cho mượn tiền đề ngày 25/12/2018. Do bà Sương còn nợ tiền hụi, tiền vay trước đây cộng lại 60.000.000 đồng nên cộng chung lại ghi vào hợp đồng số tiền 1.000.000.000 đồng thành 1.060.000.000 đồng. Mục đích vay là để mua bán bất động sản và đáo hạn ngân hàng. Do chỗ quen biết nên hợp đồng không ghi rõ thời gian khi nào trả và lãi suất bao nhiêu nhưng có nói miệng thời hạn vay từ 15 ngày đến 30 ngày, bà Sương hứa trả lãi từ 2%-3%/tháng, khi nào trả gốc thì trả lãi, vay tiền không có thế chấp tài sản, việc giao nhận tiền có người làm chứng hay không thì ông không biết. Sau 30 ngày kể từ ngày 25/12/2018, bà Sương chưa trả tiền gốc, lãi cho bà Thủy. Thời gian đầu, bà T còn liên lạc được với bà S bà S hứa trả tiền nhưng không thực hiện. Sau đó bà T không thể liên lạc được với bà Sương, bà S không nghe điện thoại.

Đoạn ghi âm bà Scung cấp cho Tòa án thì bà T đã được nghe có hỏi lại bà T, bà T thừa nhận là giọng nói của bà T và bà S Qua đoạn ghi âm, bà S thuật lại cho bà Tghe về việc bà Sương nói chuyện với chồng về các khoản nợ nhưng không rõ là khoản nợ nào, nợ của ai. Bà T chỉ nghe bà Sương tâm sự thôi chứ không có khẳng định việc bà S nói như vậy là đúng hay sai nên không có ý nghĩa chứng minh lời khai của bà S là đúng sự thật.

Trong quá trình vay, bà S hoàn toàn minh mẫn, bà T không có gây áp lực cho bà S ký các giấy nợ như phía đại diện cho nguyên đơn trình bày. Nay ông đại diện cho bà T yêu cầu bà S phải trả cho bà T số tiền 5.060.000.000 đồng mà bà Sương đã nhận, không yêu cầu tính lãi. Ông xác định bà Th hoàn toàn không có nhận số tiền 100.000.000 đồng do ông H thay mặt bà S trả cho bà Thủy trừ vào phần nợ gốc theo lời trình bày của ông H.

Người đại theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà TTTO là ông HVS trình bày: Bà TTTT và bà TTTO là chỗ quen biết, làm ăn với nhau. Do bà Sđến vay 2.600.000.000 đồng của bà Tnhưng bà T không có tiền cho vay nên giới thiệu bà S đến nhà bà O để vay. Ngày 27/02/2019, bà O có cho bà S mượn số tiền 2.600.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng, bà S hứa là đến ngày 20/3/2019 sẽ trả nhưng đến nay bà S không trả tiền cho O, bà S hứa trả lãi từ 02% đến 03%/tháng, không có ghi trong giấy mượn tiền chỉ thỏa thuận bằng miệng, không có thế chấp tài sản. Giấy mượn tiền ngày 27/02/2019 do bà Sương tự tay ghi, bà Ský và ghi họ tên người mượn, bà O ký và ghi họ tên người cho mượn, bà TTTT là người làm chứng có ký và ghi họ tên.

Qua ngày 20/3/2019, bà S không trả gốc, lãi cho bà O. Lúc đầu bà Ocòn liên lạc được, sau đó thì gọi điện thoại bà Sương không nghe máy. Nay ông đại diện cho bà O êu cầu bà Sương hoàn trả cho bà O số tiền 2.600.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông TTT và bà PTNT là ông HVS trình bày: Vào ngày 19/7/2017, anh TTT và chị PTNT có cho bà HTKS vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 năm, lãi ghi trong Hợp đồng vay tiền là 0%, nhưng theo lời hứa của bà S là trả lãi suất từ 02% đến 03%/tháng. Hai bên có ký Hợp đồng vay tiền không có biện pháp bảo đảm ngày 19/7/2017, tại Văn phòng công chứng HTH, số công chứng 0096, quyển số 01/2017-TP/CC-SCC/HĐGD, anh Tú, chị Trâm có đưa tiền trực tiếp cho bà Sương đủ 500.000.000 đồng tại Văn phòng công chứng. Mục đích vay tiền để đáo hạn Ngân hàng và kinh doanh bất động sản.

Đến ngày 09/8/2018, bà S vay của anh TTT số tiền 500.000.000 đồng nên có ghi Giấy mượn tiền đề ngày 09/8/2018, số tiền này khi nào đáo hạn trong ngân hàng từ 15 ngày đến 01 tháng thì trả gốc, bà Sương cũng hứa trả lãi suất từ 02% đến 03%/tháng, ghi tổng số nợ là 1.000.000.000 đồng (trong đó nợ cũ số tiền vay ngày 19/7/2017 là 500.000.000 đồng, nợ mới ngày 09/8/2018 là 500.000.000 đồng). Giấy mượn tiền do chính tay bà Sương ghi và có ký ghi họ tên, giao nhận tiền tại đâu thì ông không rõ, số tiền này giao tiền mặt chứ không có cấn trừ từ khoản nợ nào khác. Ngoài ra, anh Tú có nhận thế chấp giấy chứng nhận quyền sử đụng đất thửa đất số 528, tờ bản đồ số 03, do bà Nguyễn Ngọc Huệ đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin. Bà Sương mượn giấy đỏ của bà Huệ để thế chấp, anh Tú có gặp mặt bà Huệ, nhưng khoản vay này bà Sương vay chứ không phải bà Huệ.

Mục đích vay tiền để bà Sương đáo hạn Ngân hàng và kinh doanh bất động sản. Từ ngày vay tiền đến nay bà Sương không có trả gốc, lãi mặc dù anh Tú, chị Trâm đã nhiều lần nhắc nhở. Nay ông đại diện cho anh Tú, chị Trâm rút lại yêu cầu không yêu cầu Tòa án giải quyết bà Sương hoàn trả số tiền trên.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 76/2022/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện CG đã quyết định như sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà HTKS đối với bà TTTT về việc yêu cầu xác định bà có vay tiền bà TTTT .000.000 (Năm trăm triệu) đồng.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bà TTTT đối với bà HTKS

Buộc bà Huỳnh Thị Kim Sương phải trả cho bà Thái Thị Thu Thủy số tiền vay còn nợ là 5.060.000.000 (Năm tỷ không trăm sáu mươi triệu) đồng.

3. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà TTTO đối với bà HTKS.

Buộc bà HTKS phải trả cho bà TTTO số tiền vay còn nợ là 2.600.000.000 (Hai tỷ sáu trăm triệu) đồng.

4. Đình chỉ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông TTT và PTNT đối với bà HTKS về việc yêu cầu trả số tiền 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng.

5. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

6.Về chi phí trưng cầu giám định: Tổng số tiền là 6.400.000 (Sáu triệu bốn trăm nghìn) đồng, bị đơn bà TTTT và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà TTTO tự nguyện chịu và đã nộp xong.

7.Về án phí:

Buộc bà HTKS phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 115.660.000 (Một trăm mười lăm triệu sáu trăm sáu mươi nghìn) đồng. Khấu trừ 12.000.000 (Mười hai triệu) đồng tiền tạm ứng án phí mà bà Sương đã nộp theo Biên lai thu tạm án phí lệ phí Tòa án số 0001776 ngày 09/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CG, TL. Bà HTKS còn phải nộp tiếp số tiền là 103.660.000 (Một trăm lẻ ba triệu sáu trăm sáu mươi nghìn) đồng.

Hoàn trả lại tạm ứng án phí cho bà TTTT số tiền 56.530.000 (Năm mươi sáu triệu năm trăm ba mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0002504 ngày 14/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện CG, TL

Hoàn trả lại tạm ứng án phí cho bà TTTO số tiền 52.000.000 (Năm mươi hai triệu) đồng theo biên lai thu số 0002503 ngày 14/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện CG, TL.

Hoàn trả lại tạm ứng án phí cho ông TTTvà bà PTNT số tiền 21.000.000 (Hai mươi mốt triệu) đồng theo biên lai thu số 0002505 ngày 14/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện CG, TL

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và hướng dẫn về quyền và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Ngày 15/9/2022 bà HTKS kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà đồng ý trả lại cho bà TTTTsố tiền 500.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bà S không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, không cung cấp, nộp thêm tài liệu, chứng cứ mới và vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày ở cấp sơ thẩm.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông HQH trình bày*: Bà Sương không có vay của bà Thủy số tiền 5.060.000.000 đồng và vay của bà Oanh số tiền 2.600.000.000 đồng, đây là số tiền lãi của khoản vay 500.000.000 đồng bà Sương vay của bà Thủy. Đối với khoản vay của bà Thủy, bà Sương không có khả năng trả tiền nhưng bà Thủy giới thiệu cho bà Oanh cho bà Sương vay số tiền 2.600.000.000 đồng là không phù hợp, do bị bà Thủy ép buộc nên bà Sương mới nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của bà Sương, yêu cầu Tòa án xác định lại số tiền bà Sương còn nợ bà Thái Thị Thu Thủy là 500.000.000 đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà TTTT và người có quyền lợi, nghĩ vụ liên quan bà TTTO là ông HVS trình bày: Căn cứ theo giấy nợ do chính bà Sương viết và ký nhận, bà Thủy đã cho bà Sương vay số tiền 5.060.000.000 đồng và bà Oanh đã cho bà Sương vay số tiền 2.600.000.000 đồng, bà Sương cho rằng chỉ vay của bà Thủy 500.000.000 đồng là không có căn cứ nên đề nghị Tòa án không chấp nhận kháng cáo của bà Sương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TL phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của bà HTKS đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về yêu cầu kháng cáo của bà HTK: Theo tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án thì bà HTKS đều thừa nhận bà trực tiếp viết các giấy nợ và ký tất cả các hợp đồng vay tiền, ở tình trạng tinh thần rất minh mẫn, đồng thời bà Sương có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Lý do bà ký các hợp đồng vay tiền là do bà Thủy gây áp lực, hăm dọa đòi tố cáo bà Sương với chồng bà Sương cho mất việc nên bà Sương mới ký. Xét thấy đây chỉ lời trình bày phía bà Sương, phía bà Thủy không thừa nhận hơn nữa lời trình bày này của bà Sương không có chứng cứ chứng minh, chính bà Sương cũng thừa nhận là không có chứng cứ chứng minh và người làm chứng. Trong quá trình tố tụng bà Sương có cung cấp cho Tòa án đoạn ghi âm ngày 09/12/2019, theo bà Sương đoạn ghi âm đó thể hiện bà Sương chỉ vay của bà Thủy số tiền 500.000.000 đồng, tuy nhiên qua bản lược âm thì không thể hiện nội dung giữa bà Thủy và bà Sương vay số tiền 500.000.000 đồng và bà Thủy cũng không thừa nhận nội dung như bà Sương trình bày.

Bà Sương cũng cho rằng các bản chính giấy mượn tiền giữa bà Sương với bà Thủy và giữa bà Sương với bà Oanh không phải chữ ký bà Sương. Tuy nhiên, tại Kết luận giám định số 382/2022/KLGĐ ngày 31/5/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an TL đã kết luận: chữ ký và chữ viết "HTKS trong các Giấy mượn tiền trên so với các mẫu so sánh chữ ký và chữ viết của bà Sương là do cùng một người ký và viết ra.

Ngoài ra, theo lời trình bày của ông Huy đại diện bà Sương, cho rằng vào ngày 19/7/2019 ông thay mặt cho bà Sương hoàn trả cho bà Thủy số tiền 100.000.000 đồng để trừ vào khoản nợ gốc, tuy nhiên phía đại diện bị đơn

không thừa nhận, hơn nữa nguyên đơn không cung cấp được tài liệu nào để chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn để xem xét khấu trừ khoản nợ gốc cho nguyên đơn.

Về án phí: Bản án sơ thẩm tính án phí buộc bà HTKS phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 115.660.000 đồng là chưa phù hợp. Cụ thể bà Sương phải chịu án phí đối với số tiền phải trả cho bà Thủy số tiền 5.060.000.000đồng là 113.060.000 đồng, bà Sương phải chịu án phí đối với số tiền phải trả cho bà Oanh là 2.600.000.000 đồng là 84.000.000 đồng là mới phù hợp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Từ những căn cứ nêu trên, kháng cáo của bà HTKS không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa Bản án sơ thẩm về án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà HTKS thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bà HTKS, thấy rằng:

[2.1] Bà NTS khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định lại số tiền bà Sương còn nợ bà TTTT là 500.000.000 đồng. Sau khi vay tiền, bà Thủy tính tiền lãi, yêu cầu bà Sương ký hàng loạt các giấy tờ mượn tiền nhưng thực tế bà Sương không nhận bất cứ số tiền nào khác. Bà Sương không có vay của bà Thủy số tiền 5.060.000.000 đồng và vay của bà Oanh số tiền 2.600.000.000 đồng, bà Sương đồng ý trả cho bà TTTT số tiền là 500.000.000 đồng.

[2.2] Căn cứ theo giấy nợ ngày 25/12/2018, có nội dung: "*Bên B là bà TTTT đồng ý cho Bên A là bà HTKS mượn số tiền 4.000.000.000 đồng và 1.060.000.000 đồng*" và giấy nợ ngày 27/02/2019 có nội dung: "*Bà TTTO có cho bà HTKS mượn số tiền 2.600.000.000 đồng".*

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà HTKS đều thừa nhận bà trực tiếp viết các giấy nợ và ký tất cả các hợp đồng vay tiền, ở tình trạng tinh thần rất minh mẫn, đồng thời bà Sương có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

Tại kết luận giám định số 382/2022/KLGĐ ngày 31/5/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an TL đã kết luận: Chữ ký và chữ viết "HTKS" trong các Giấy mượn tiền trên so với các mẫu so sánh chữ ký và chữ viết của bà Sương là do cùng một người ký và viết ra.

[2.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà Sương trình bày bà Sương ký các hợp đồng vay tiền là do bà Thủy gây áp lực, hâm dọa đòi tố cáo bà Sương với chồng bà Sương cho mất việc nên bà Sương mới ký và thực tế bà Sương không có vay của bà Thủy số tiền 5.060.000.000 đồng và vay của bà Oanh số tiền 2.600.000.000 đồng nhưng bà Sương không có chứng cứ

chứng minh và phía bà Thủy, bà Oanh không thừa nhận. Trong quá trình tố tụng bà Sương có cung cấp cho Tòa án đoạn ghi âm ngày 09/12/2019, theo bà Sương đoạn ghi âm đó thể hiện bà chỉ vay của bà Thủy số tiền 500.000.000 đồng, tuy nhiên qua nội dung bản ghi âm thì không thể hiện nội dung giữa bà Thủy và bà Sương vay số tiền 500.000.000 đồng và bà Thủy cũng không thừa nhận nội dung như bà Sương trình bày.

Bà Sương khởi kiện bà Thủy, yêu cầu Tòa án giải quyết xác định bà Sương còn nợ bà Thủy số tiền 500.000.000 đồng và đồng ý trả cho bà Thủy số tiền 500.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà HTKS, chấp nhận yêu cầu phản tố của bà của bà TTTT và yêu cầu độc lập của bà Trương Thị Thu Oanh là có căn cứ.

[3] Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị Kim Sương không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông TTT, bà PTNT khởi kiện yêu cầu bà Sương trả số tiền 1.000.000.000 đồng từ Hợp đồng vay tiền không có biện pháp bảo đảm ngày 19/7/2017, số công chứng 0096, quyển số 01/2017-TP/CC-SCCC/HĐGD tại văn phòng công chứng HTH. Ở cấp sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông Tú và bà Trâm đã rút lại yêu cầu này, việc rút đơn yêu cầu độc lập là hoàn toàn tự nguyện nên được Tòa án chấp nhận nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không ghi hậu quả của việc rút đơn là thiếu sót nên cần bổ sung quyền khởi kiện lại của ông TTT và bà PTNT.

[5] Về chi phí trưng cầu giám định: Tổng cộng 6.400.000 đồng, tại phiên tòa đại diện bị đơn bà Thủy và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu độc lập bà Oanh tự nguyện chịu các đương sự đã tạm ứng xong nên không xét đến.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà HTKS là có căn cứ, sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bản án sơ thẩm tính án phí buộc bà HTKS phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 115.660.000 đồng là chưa chính xác nên sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm về án phí.

Theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Sương phải chịu án phí đối với số tiền phải trả cho bà Thủy là 5.060.000.000 đồng, án phí được tính như sau: 5.060.000.000 đồng = 112.000.000 đồng + 0,1% x (1.060.000.000 đồng) =113.060.000 đồng.

Bà Sương phải chịu án phí đối với số tiền phải trả cho bà Oanh là 2.600.000.000 đồng, án phí được tính như sau: (2.600.000.000 đồng = 72.000.000 đồng + 2% x (600.000.000 đồng) = 84.000.000 đồng.

Tổng cộng, án phí dân sự sơ thẩm bà Sương phải chịu là 113.060.000 đồng + 84.000.000 đồng = 197.060.000 đồng.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà HTKS phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà HTKS;

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 76/2022/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân CG TL

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà HTKS đối với bà Thái Thị Thu Thủy về việc yêu cầu xác định bà có vay tiền bà TTTT số tiền 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bà TTTT đối với bà HTKS

Buộc bà HTKS phải trả cho bà TTTT số tiền vay còn nợ là 5.060.000.000 (Năm tỷ không trăm sáu mươi triệu) đồng.

3. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà TTTO đối với bà HTKS.

Buộc bà HTKS trả cho bà TTTO số tiền vay còn nợ là 2.600.000.000 (Hai tỷ sáu trăm triệu) đồng.

4. Đình chỉ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông TTT và bà PTNT đối với bà HTKS về việc yêu cầu trả số tiền 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng.

Ông TTT và bà PTNT có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại yêu cầu độc lập.

5. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ

ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

6. Về chi phí trưng cầu giám định: Tổng số tiền là 6.400.000 (Sáu triệu bốn trăm nghìn) đồng, bị đơn bà TTTT và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà TTTO tự nguyện chịu và đã nộp xong.

7. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà HTKS phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 197.060.000 (Một trăm chín mươi bảy triệu, không trăm sáu mươi nghìn) đồng được khấu trừ số tiền12.000.000 (Mười hai triệu) đồng tiền tạm ứng án phí mà bà Sương đã nộp theo Biên lai thu tạm án phí lệ phí Tòa án số 0001776 ngày 09/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An. Bà HTKS còn phải nộp tiếp số tiền là 185.060.000 (Một trăm tám mươi lăm triệu, không trăm sáu mươi nghìn) đồng.

Hoàn trả lại tạm ứng án phí cho bà TTTT số tiền 56.530.000 (Năm mươi sáu triệu năm trăm ba mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0002504 ngày 14/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự HCG, TL.

Hoàn trả lại tạm ứng án phí cho bà TTTO số tiền 52.000.000 (Năm mươi hai triệu) đồng theo biên lai thu số 0002503 ngày 14/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện CG, TL.

Hoàn trả lại tạm ứng án phí cho ông TTT và bà PTNT số tiền 21.000.000 (Hai mươi mốt triệu) đồng theo biên lai thu số 0002505 ngày 14/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự CG, TL

8. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà HTKS phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004853 ngày 03/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CG. TL

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

10. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND TL
- TAND huyện CG;
- Chi cục THADS huyện CG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NTMH